

LẦN VƯỢT BIỂN CUỐI CÙNG

Ngô Hoàng Các

Chuẩn Bị Chuyến Đi

Sau sáu lần toan tính thất bại, đại gia đình chúng tôi gồm Ba Má tôi, vợ chồng tôi cùng các con và hai đứa cháu lại ra đi thêm một lần nữa. Cùng tham dự chuyến vượt biên lần này có đại gia đình của Bác M, bạn của Ba tôi, và các bạn tôi, anh Bảo, Thành và Hùng, con trai lớn của anh Thành.

Việc chuẩn bị lần này chu đáo hơn và tôi cũng được trực tiếp tiếp xúc với chủ ghe cùng tài công rồi lại đi quan sát chuyến sửa ghe, không như những lần trước chỉ giao phó toàn bộ cho người tổ chức. Ba tôi và tôi đã trải qua nhiều lần sắp xếp, chờ đợi nhưng không có lần nào thành công, từ những chuyến dự định đi chui ở Rạch Giá, cho đến Phan Thiết rồi Vũng Tàu, lần định đi bằng tàu ngoại quốc đậu ở kho 5, cả chuyện đi đường bộ sang Campuchia. Tất cả đều không xong, thậm chí có lần còn suýt bị công an Phước Tuy bắt, may mà những tài xế xe đò và dân chúng vùng đó, đã quá quen thuộc với chuyện vượt biên bị bẫy, che chở và giúp đỡ mới thoát được. Lần sau cùng là đi bán chính thức, đã đóng tiền cọc và chờ đợi cho chuyến đi ở Rạch Giá, chúng tôi ai cũng có tên và giấy khai sinh của người Hoa, tôi còn học nói tiếng Quảng Đông để chuẩn bị trả lời lỡ khi công an có hỏi. Vậy mà cứ chờ cứ đợi mãi, cứ nay dời mai đình với những lý do bất khả kháng. Chúng tôi cũng không may mắn đã tham gia vào chương trình đó quá trễ, nhằm lúc các nước khác lên tiếng phản đối bạo quyền cộng sản Việt Nam cho xuất cảng người để thu vàng nên công an Việt Cộng dè dặt và ít cho ghe đăng ký ra khơi. Cảnh tượng ra đi ào ạt như lúc trước nay không còn nữa, chỉ thỉnh thoảng mới cho ra một chuyến. Chờ đợi mỗi mòn nên khi Ba tôi được một người quen giới thiệu cho một chỗ mà sau vài lần tiếp xúc thấy rất là đáng tin cậy nên chúng tôi tiến tới.

Ông Hai ở Gia Định, một người rất là đàng hoàng và đạo đức, đã cùng tôi đi đến nhà của anh Nhơn chủ ghe ở Cần Thơ để bàn chuyện đi đứng của những người từ Sài Gòn

xuống cùng với các kế hoạch mua và chuyển dầu Diesel xuống ghe, thức ăn và nước uống... Những chuyện quan trọng như là tài công chính, phụ, thợ máy, và việc mua sắm hải đồ, la bàn... cũng được bàn thảo cặn kẽ để tôi có thể trở về tường trình mọi việc cho Ba tôi và mọi người tham gia được biết. Anh Nhơn đã chạy chọt với công an địa phương xin được giấy phép chuyên chở hàng hóa bằng ghe, nhờ vậy việc sửa chữa ghe không có gì trở ngại và tôi cũng đã đến tận nơi để xem thợ máy đang lắp đặt động-cơ mới, một máy Yanmar 2 đầu bạc. Tôi cũng đã được Ông Hai giới thiệu với anh tài công chính, một người quê quán ở Bình Dương, tốt nghiệp Trường Quốc Gia Hàng Hải Phú Thọ và cư ngụ ở Gia Định. Trong những lần gặp nhau sau đó ở Sài Gòn, qua những lần đi uống cà phê nói chuyện, tôi được biết anh vốn là con của một ông giám thị công trường làm đường trước kia phục vụ ở Ty Công Chánh Bình Dương, và khi biết tôi trước cũng phục vụ ở đó anh ta rất là vui mừng. Anh đã cho tôi một trang giấy in hình cờ các quốc-gia trên thế giới, một tài liệu rất là hiếm hoi sau năm 1975, cùng những kinh nghiệm của anh sau những năm phục vụ trong ngành hàng hải của Việt Nam Cộng Hòa. Rất tiếc là gần đến ngày, anh lại cho chúng tôi biết là vì lý do riêng anh không thể cùng đi được. Ông Hai vội vàng tìm một tài công khác để thay thế, anh này là Trung Úy Hải Quân, cũng vừa được trả về từ một trại tù cải tạo nào đó, và vì quá cận ngày đi nên tôi chưa có dịp gặp, chỉ biết tên và nghe nói về anh ta thôi.

Lên Đường

Mọi việc chuẩn bị đã hoàn tất, ngày khởi hành đã được ấn định vào giữa tháng 9 năm 1980. Chúng tôi, những người ở Sài Gòn, chia làm vài nhóm để đi xuống Cần Thơ. Ba Má tôi và vợ con tôi đi chung một nhóm và rời Sài Gòn ngày trước, ngày hôm sau tôi và các bạn Bảo, Thành đi sau. Khi chúng tôi đến bến xe thì có người của anh Nhơn, mà tôi đã gặp mấy tháng trước, đón về một làng nhỏ cách Cần Thơ khoảng mười cây số. Chúng tôi được đưa

về một căn nhà nằm ven sông, và theo kế hoạch ngủ đêm ở đó rồi sáng hôm sau trở về bến Ninh Kiều, thị xã Cần-Thơ để xuống ghe nhỏ chạy đến địa điểm ghe lớn đậu. Những người khác cũng đã được chia ra tạm trú trong nhà thân nhân của anh Nhơn tại Cần Thơ chờ giờ xuống ghe nhỏ từ nhiều địa điểm khác nhau. Đêm đó tuy lạ nhà nhưng chúng tôi cũng ngủ được một giấc ngon lành vì vào đầu hôm, anh chủ nhà đã có làm một bữa tiệc mời công an khu vực đến nhận để giới thiệu chúng tôi, bà con của anh tập kết về, đang công tác ở thành phố về thăm. Thế là mấy anh công an lẳng xẵng hỏi chuyện, Thành và tôi chỉ ậm ừ không trả lời nhiều vì sợ lộ, chỉ có anh Bảo là huyền thuyên nói chuyện với bọn chúng bằng giọng Bắc. Và cũng nhờ cái giọng Bắc đó mà bọn công an địa phương tưởng là gặp thứ thiệt nên đã để yên cho chúng tôi đêm đó. Sáng hôm sau, người liên lạc đến đón chúng tôi nhưng thay vì đưa ra bến Ninh Kiều như kế hoạch định trước, anh lại đưa chúng tôi ra bến xe để trở về lại Sài Gòn vì chương trình có sự thay đổi, chuyến đi chưa thể thực hiện được. Mọi người đều cảm thấy nản lòng nhưng đành chịu chứ biết làm gì hơn. Lại thêm những ngày dài chờ đợi, những ai đã từng sống trong cảnh chờ đợi vượt biên mới biết được sự chờ đợi khó chịu biết là chừng nào. Không làm ăn gì được cả, chỉ trông ngóng suốt ngày. Ngày nào cũng chờ đợi, người này hỏi người kia đã có tin gì chưa?

Hai tuần lễ đã trôi qua, sau cùng chúng tôi lại được thông báo ngày đi. Lần này có thay đổi khác hơn lần trước, chỉ có những người lớn tuổi như Ba Má tôi và hai Bác M. cùng đàn bà và con nít là đi xuống Cần Thơ trước một ngày để hôm sau ghe nhỏ đưa ra ghe lớn. Đám thanh niên chúng tôi rời Sài Gòn sáng sớm ngày 3 tháng 10 bằng xe đò và đi từng nhóm nhỏ để không ai nghi ngờ. Sau khi qua bắc Mỹ Thuận, chúng tôi đón xe lam đến bắc Cần Thơ và vì phải di chuyển bằng xe lam nên đội hình lại bị xé nhỏ, nên khi đến Cần Thơ mọi người đã lạc nhau. Tuy vậy khi đến điểm hẹn là bến xe Cần Thơ, tôi thấy đa số đã đến chờ ở đó rồi. Duy chỉ không thấy hai bố con anh Thành cùng Bảo, cháu tôi, đâu cả, anh Bảo cho tôi biết là có thể nhóm anh Thành đã đi ra chợ Cần Thơ rồi. Thật là sót ruột vì giờ hẹn đã gần đến, chờ mãi cũng không thấy

nhóm đó trở ra bến xe như đã hẹn, tôi bảo anh Bảo và các người khác cứ ở đó chờ, khi nào người dẫn đường đến thì cứ việc kín đáo theo họ đi, và cho họ biết là tôi phải đi kiếm vài người nữa sẽ đến sau, nhớ trở lại đón chúng tôi. Sau vài lời dặn dò, tôi đón xe honda ôm ra chợ Cần Thơ, thật là may mắn vì khi vừa bước vào đầu chợ, tôi đã gặp ngay nhóm đó, nếu không cũng chẳng biết đâu mà tìm vì chợ quá đông người mà tôi lại không rành địa thế thành phố Cần Thơ. Chúng tôi liền tìm cách ra bến xe ngay, đến nơi thì không còn ai cả, mọi người đã được đón đi rồi. Một lúc lâu sau, người liên lạc trở lại đón chúng tôi ra bến Ninh Kiều, từ đó xuống ghe nhỏ, ghe chạy mãi đến một xã nhỏ ven sông và cập vào. Tất cả hành khách đều lên bờ, chúng tôi cũng theo liên lạc viên lên, đi lòng vòng một hồi lại trở ra bến ghe và xuống một chiếc ghe khác, lần này khách trên ghe không có ai ngoài chúng tôi vì đó là ghe của tổ chức. Lúc đó cũng đã xế chiều, ghe nhỏ neo và chạy trên sông Cần Thơ, gió sông lồng lộng nhưng tôi không cảm thấy mát mẻ chút nào vì lòng còn lo âu, không biết mọi việc sẽ diễn biến ra sao? Cảnh sông nước với những hàng dừa hai bên bờ của miền quê vùng đồng bằng sông Cửu Long thật là lạ, vì là lần đầu tiên du ngoạn bắt đắ dĩ bằng ghe trên những sông lạch đó, nhưng tôi không có lòng dạ nào để ngắm phong cảnh hữu tình mà chỉ cố quan sát một cách kín đáo những ghe xuống qua lại để đề phòng những bắt trặc. Ghe cứ chạy mãi, hết sông cái rồi vào rạch nhỏ rồi trở lại sông cái, cứ thế mà chạy mãi đến khi đêm xuống đã lâu rồi mới cập vào chiếc ghe lớn đang neo ở một khúc sông vắng. Mọi người im lặng lần lượt leo qua ghe lớn và chun xuống dưới khoang, khi đó tôi mới thấy Ba Má vợ con tôi và tất cả mọi người từ Sài Gòn xuống ngày hôm trước. Thì ra chúng tôi là toán khách cuối cùng, chỉ còn chờ chiếc ghe nhỏ chở anh Nhơn, chủ ghe, cùng tài công và thức ăn, nước uống đến là nhỏ neo lên đờng.

Trở Ngai

Đêm hôm đó, tất cả đều im lặng, có lẽ vì quá mệt mỏi sau một ngày dài nên mọi người đều ngủ. Rạng sáng hôm sau vẫn không thấy chủ ghe đến như đã hẹn, không thể đậu một chỗ vì sợ gây nghi ngờ cho công an nên anh Đức, tài công phụ, đã cho ghe chạy chậm

chậm xuôi theo dòng nước để chờ đợi và suốt ngày đó cứ chạy tới lui như thế mãi. Rồi đêm đến cũng chẳng thấy bóng dáng chủ ghe đâu! Ngày hôm sau cũng vậy, cũng phải chạy tới lui chờ đợi. Mọi người trên ghe nào có biết gì, vì cảm thấy ghe di chuyển nhưng đâu có ai biết được chuyện gì đang xảy ra. Đến xế chiều hôm đó, người em của anh Nhơn chủ ghe cùng gia đình rời ghe lớn lấy ghe nhỏ đi vô bờ và về luôn. Một lúc sau anh Hoàng, thợ máy của ghe, xuống hầm tàu và mời tôi lên buồng lái.

Tôi bèn leo lên phòng lái, trên đó có Đức, tài-công phụ, và Sang, cháu của Ông Hai. Thấy tôi, Đức nói:

“Anh Các à, tụi em coi anh như là đại diện của khách Sài Gòn nên mời anh lên đây và cho anh hay là anh Nhơn đã bị công an bắt trên đường ra đây rồi. Tất cả mọi người trên ghe nhỏ đều bị, kể cả anh tài công.”

Tôi nghe mà sững sờ, liền hỏi lại:

“Bị bắt hồi nào? Coi chừng công an nó biết chỗ mình đậu ghe chờ, nó ra tóm mình đó”.

“Ảnh bị bắt từ đêm hôm qua, tụi em đã cho ghe chạy đến chỗ khác rồi, xa chỗ cũ lắm. Bây giờ anh tính sao?”, Đức trả lời.

Sau một lúc suy nghĩ, tôi hỏi Đức và Hoàng:

“Tôi thấy bây giờ mà đem ghe vô bến Ninh Kiều cho bà con lên bờ là nạp mạng rồi đó, mấy anh thấy sao?”

“Tụi em cũng nghĩ vậy đó”, cả ba người, Đức, Hoàng và Sang cũng đồng ý.

“Tôi hỏi cái này, các anh phải nói thật nha”, tôi nói.

“Dạ, anh cứ hỏi”, Đức trả lời.

“Các anh có thật-sự muốn đi hay không?”, tôi hỏi.

Cả ba đều trả lời đồng ý.

“Vậy được rồi, tất cả các anh đều đồng ý đi là được rồi, mình sẽ đi. Bây giờ mấy anh cho tôi biết tình hình của ghe”, tôi nói.

“Dạ được, anh cứ hỏi”, cả ba đều lần lượt trả lời. *“Chuyện trước tiên là dầu, mình có được bao nhiêu?”* *“Khoảng gần 800 lít”*, Hoàng trả lời.

Sau khi nhẩm tính, tôi nói:

“Được rồi, dầu như vậy là đủ. Còn về thức ăn và nước uống?”

“Thức ăn thì không có, vì anh Nhơn tính đem ra chớ không có trữ sẵn, sợ lộ”, Đức nói.

“Không sao, không có thức ăn cũng không sao vì khi ra biển rồi không có ai ăn gì được đâu, ăn vào chỉ có ói mửa ra hết thôi. Chỉ lo có nước uống”, tôi nói.

“Mình có gần 20 cái thùng can nhựa trống”, Hoàng nói.

“Vậy thì tốt lắm rồi, lựa khúc sông nào sạch, dòng giây thả thùng xuống hứng nước, nhưng mà phải làm từ từ, đừng lấy một lúc nhiều thùng gây nghi ngờ. Còn la bàn và bản đồ thì sao?”, tôi hỏi.

“Mất hết rồi, cũng tính sẽ do anh Nhơn đem ra nhưng bây giờ thì bị bắt hết rồi”, Đức trả lời.

“Vậy thì không được rồi, mình không thể ra biển mà không có la-bàn, coi sao mà đi thì chỉ được vào lúc ban đêm trời tốt, ban ngày không thấy sao hoặc là ban đêm gặp mưa hay nhiều mây thì làm sao?!”, tôi nói.

“Em biết có chỗ bán, nếu anh có tiền em sẽ vô bờ đi mua”, Hoàng nói. *“Bao nhiêu?”*, tôi hỏi.

Sau khi Hoàng cho tôi biết số tiền, tôi nói:

“Được rồi, để tôi cho Ba tôi và mấy người khác biết về việc này đã”

Sau đó, tôi chun xuống hầm ghe và bò vào nói chuyện với Ba tôi và Bác M về tình hình của ghe cùng dự tính mua bản đồ cùng la-bàn để tiếp-tục đi. Ba tôi và Bác M đồng-ý, chúng tôi gom góp lại vừa tiền mặt vừa nhẫn vàng đủ số rồi tôi đem lên phòng máy và nói với Hoàng:

“Hoàng à, tánh-mạng của mọi người trên ghe nằm trong tay Hoàng đó. Cố gắng đi cẩn thận”

và mua cho được hàng rồi ra sớm nha, tôi chờ đó”

“*Anh đừng lo, em sẽ trở ra lạ lắm*”, vừa cột chặt gói tiền trong lưng quần đùi, Hoàng vừa trả lời tôi. Xong xuôi, Hoàng cởi áo ra và từ trên ghe phóng xuống nước lội đi, tôi đứng trên ghe nhìn theo mà lòng trĩu nặng với những ý nghĩ vu vơ. Trời đã sập tối khi nào tôi cũng không biết, Đức, Sang và tôi cùng ngồi trên phòng lái nhưng không ai nói gì, mỗi người có lẽ mang nặng những lo âu riêng. Vào khoảng nửa đêm, trong cái im lặng khó thở của đêm tối trời chờ đợi, tôi bỗng nghe tiếng mái chèo bì bõm càng lúc càng đến gần. Tôi thật là lo lắng không biết có phải tụi du kích ra khám xét hay không? Rồi chiếc ghe nhỏ cặp vào ghe chúng tôi, Hoàng leo qua và nói nhỏ:

“Có rồi đây anh Các ơi, nhưng mà em làm rớt hết một cái la-bàn rồi, còn có một cái thôi”.

“*Đưa tôi coi*”, tôi vội nói.

Sau khi nghe Hoàng mô tả thì ra cái la bàn mà Hoàng làm rớt xuống sông là loại cầm tay, thứ của bộ binh dùng tìm phương hướng, cái còn lại đúng là loại để gắn vào ghe. Thở phào ra một hơi dài, tôi nói:

“Không sao, mất cái đó không sao vì mình cũng không dùng được. Có cái này là mình khởi hành được rồi, chừng nào mình đi?”

“Sáng sớm mai, mình sẽ chạy từ từ ra Phụng Hiệp, và khuya mai mình sẽ ra cửa biển để tránh nghi ngờ. Tối Chúa Nhật tụi công an nó coi cả lương trên TV nên canh gác cũng không kỹ lắm, em đi tới lui nhiều lần nên biết”, Đức nói.

“Được rồi, tất cả do anh sắp xếp theo kinh nghiệm nha Đức”, nói xong tôi chun xuống hầm ghe cố tìm một giấc ngủ.

Khởi Hành

Sáng sớm hôm sau, Chúa Nhật ngày 5 tháng 10, ghe chúng tôi nhổ neo sớm chạy từ từ theo giòng nước hướng về phía cửa biển. Đến chiều thì dừng lại ở một khúc sông vắng, dọc đường đi, chúng tôi đã theo kế hoạch hứng nước sông đổ đầy tất cả thùng rỗng trên ghe và khi màn đêm xuống, ghe chúng tôi lại

tiếp tục cuộc hành trình. Đúng như lời Đức nói, các trạm gác dọc theo sông đều không làm khó dễ gì chúng tôi, có lẽ bọn công an và du kích bận rộn nhậu nhẹt hay xem cải lương nên lười biếng việc canh gác. Ghe tiếp-tục di chuyển trên đoạn cuối của sông Tiền, và khi chúng tôi đến cửa biển thì ghe lác lư thật mạnh vì gặp sóng lớn, chuyện này tôi đã quen rồi nên không lấy gì làm lạ. Nhưng bà con trên ghe ai nấy cũng đều hoảng sợ vì lần đầu đối diện với nguy hiểm, mọi người lâm râm cầu kinh, người này niệm Phật Quan Âm người khác cầu xin Đức Mẹ Maria cứu cho qua khỏi cơn nguy nan.. Bỗng nhiên ghe đứng khựng lại vì đã lủi vào cồn cát, tôi vội vàng chạy ra mũi ghe để thúc hối anh em dùng sào chống đồng thời bảo thợ máy Hoàng cho máy chạy lùi tối đa. May mắn thay ghe lủi ra được khỏi chỗ cồn cát ngầm, Đức bèn đổi hướng tránh chỗ đó và hướng ra khơi. Tôi cho gắn la-bàn vào trong phòng lái và dặn anh em phải dùng giây cột chặt phòng lái vào sàn ghe để chống chọi khi có gió lớn. Mọi việc xong xuôi, tạm an tâm nên tôi chui xuống khoang ghe, đốt cây đèn cây và chuẩn bị bản đồ. Trong lúc tôi còn đang nghiên cứu bản đồ thì Bảo, cháu tôi, chun xuống hầm tàu bò lại gần tôi và nói:

“Chú Ba lên coi sao chứ con thấy hình như ghe chạy lòng vòng một chỗ từ nãy đến giờ”.

Nghe vậy, tôi vội vàng xếp bản đồ lại cất vào túi xách rồi leo lên phòng lái. Thì ra Đức không biết coi la-bàn nên đã chạy vòng vòng, anh chỉ là người chuyên lái ghe trên sông nên khi ra biển ban đêm đã không định hướng được. Tôi lại phải chỉ cho Đức và cả Hoàng cùng Sang biết cách xử dụng la-bàn, sau đó tôi điều chỉnh hướng đi cho đúng rồi dặn Đức phải giữ hướng đó mà chạy đến 4 giờ sáng thì cho tôi hay để đổi hướng. Ngồi lại với ba anh em Đức, Hoàng và Sang thêm một chút nữa để chắc chắn là các anh ấy đã thuộc bài, tôi mới chun xuống hầm tàu để lo chuẩn-bị bản đồ và tính toán đường đi xong rồi chộp mắt một chút để lấy sức cho hành trình.

Biển Cả Đầy Bất Trắc

Đến gần 4 giờ sáng ngày 6 tháng 10, trên phòng lái cho người xuống đánh thức tôi. Trở lên phòng lái, tôi điều-chỉnh hướng 90 độ

cho ghe chạy thẳng ra khơi, vừa lúc sao Mai chói lọi ở hướng Đông nên tôi mới chắc chắn được cái la-bàn của chúng tôi là thứ tốt vì sau ngày Việt Cộng chiếm đóng, người ta thường bán những cái la-bàn hư bề được sửa chữa vội vàng. Biển ngày hôm đó thật là yên lặng như hồ lớn, ghe chúng tôi thênh thang chạy, nhìn quanh quất chẳng thấy gì ngoài biển cả mênh mông, mọi người vui mừng nhưng tôi còn rất là lo âu vì biết là ghe còn đang trong hải phận Việt Nam. Giữ nguyên góc độ đó, chúng tôi chạy cho đến khoảng gần 4 giờ chiều, nước biển đã đổi từ màu xanh sang màu đen từ lâu rồi, thì thấy bóng dáng một chiếc tàu ở tận chân trời. Khi đến gần hơn một chút, nhìn vào ống dòm chúng tôi chỉ thấy đó là một chiếc tàu màu trắng nhưng không thấy cờ hiệu, mọi người mừng rỡ tưởng đó là tàu của Hồng Thập Tự Quốc Tế. Nhưng khi đến gần hơn nữa thì chúng tôi nhận ra hình cờ búa liềm của Liên-Xô vẽ thật thấp trên ống khói, thế là Hoàng tống hét ga và Đức bẻ lái chạy tránh ra xa. Thật may vì đó chỉ là một tàu chở hàng của Liên-Xô nên họ cũng chẳng muốn bắt chúng tôi làm gì, hơn nữa lúc đó chúng tôi cũng khá xa bờ biển Việt Nam rồi.

Sau đó, ghe chúng tôi tiếp tục hành trình cũng với hướng chính Đông, 90 độ. Đêm dần xuống và chẳng bao lâu thì trời tối hẳn, chúng tôi vẫn giữ góc độ đó. Gần nửa đêm, sau khi dặn dò mấy anh em trên phòng lái, tôi leo xuống khoang tàu nghỉ ngơi. Chợp mắt chưa được bao lâu thì giật mình thức dậy vì tiếng nói nhỏ nhỏ bên tai:

“Anh Các ơi, thức dậy. Có ánh đèn ở ngoài xa, chắc đến giàn khoan dầu rồi!”

Trước khi đi, mọi người ai cũng theo dõi tin tức vượt biên nên biết được những chuyện như có tàu của Hồng-Thập-Tự quốc-tế chạy tới lui trên biển Đông để cứu vớt các ghe vượt biên mà thật ra sau này khi đã ra ngoài rồi mới biết đó là những tàu của “Hội Y-Sĩ Không Biên-Giới”, hoặc là chuyện các ghe vượt biên đến được giàn khoan dầu của Indonesia..., vì vậy cứ thấy bóng dáng tàu ở chân trời thì mọi người cứ tưởng rằng đó là một trong các tàu đó, và thấy ánh đèn thì cho là giàn khoan dầu. Vừa leo lên phòng lái, tôi vừa nói:

“Không phải giàn khoan dầu, còn xa lắm mới tới”.

Dùng ống dòm quan-sát, tôi cũng chẳng thấy gì rõ rệt vì quá xa và tối trời, nhưng tôi vẫn bảo anh em đổi hướng để chạy chệnh chéch về hướng Đông Bắc nhằm tránh ánh đèn đó vì tôi nghĩ là ghe vẫn còn trong phạm-vi hoạt-động của hải quân Việt Cộng.

Càng chạy đến gần, chúng tôi mới thấy rõ ràng đó là một đoàn tàu hải quân đang bỏ neo theo hàng một và ghe chúng tôi đang bọc sau lưng chiếc cuối cùng trong đội hình. Đến tờ mờ sáng, chúng tôi vừa chạy qua phía sau chiếc tàu chót đó, tôi lại cho đổi hướng chạy thẳng về hướng chính Đông. Thật là may mắn mà chúng tôi đã đổi về hướng Đông-Bắc khi mới phác giác ra ánh đèn, vì nếu chạy thẳng là chúng tôi lọt vào đội hình của đoàn tàu đó rồi. Anh em bàn tán mãi và cho rằng đó là tàu của Hải-Quân Liên-Xô dù không thấy được cờ hay dấu hiệu gì, chỉ có điều nếu đó là tàu Hải-Quân Mỹ thì có lẽ họ đã cho tàu nhỏ đến để vớt chúng tôi rồi! Sau đó chúng tôi tiếp tục hành trình và khi bóng dáng đoàn tàu quân sự đó đã khuất ở chân trời phía sau lưng, tôi lại phải lo vẽ lại đường đi trên tấm hải-đồ để điều chỉnh lại tọa độ và hướng đi mới sau chuyện vừa xảy ra.

Gặp Tàu Dầu Satucket

Ghe cứ thế chạy mãi cho đến trưa hôm đó, ngày 7 tây, tôi cho đổi góc chạy về hướng Nam vì nghĩ rằng mình đang ở trong hải lộ HongKong Singapore, mà quả thật đúng thế vì suốt buổi chiều và đêm hôm đó, chúng tôi thấy rất nhiều tàu biển chạy ngược xuôi ở chân trời hai bên hông phải và trái của hướng chúng tôi đang đi. Mọi người ai nấy đều mừng rỡ với hy vọng sẽ gặp tàu vớt, chúng tôi cứ ngay chính giữa hai luồng tàu mà chạy, mỗi khi thấy ánh đèn tàu biển ở chân trời là lại đốt lửa lên để làm hiệu, nhưng không có tàu nào dừng lại cả. Xế trưa hôm sau, ngày 8 tây, tôi cho đổi hướng chạy xéo vào hướng Tây-Nam khoảng 3 tiếng đồng hồ và sau đó trở lại hướng Nam như cũ nhằm chặn đầu những chiếc tàu đang chạy về hướng HongKong. Và thật là đúng như dự tính, đến xế chiều chúng tôi thấy một

chiếc tàu xuất hiện ở chân trời và đang chạy về hướng chúng tôi, càng lúc càng rõ dần.

Khi đến gần, chúng tôi mới biết đó là tàu chở dầu có tên là Satucket, mang hiệu kỳ Panama, chúng tôi ra hiệu xin cấp cứu và may thay tàu đó chạy chậm dần và sau cùng dừng chỉ cách ghe chúng tôi khoảng một trăm mét. Chúng tôi bèn cho ghe chạy đến gần và cặp vào hông tàu dầu, có lẽ thủy thủ trên tàu đã thông báo nên hạm trưởng và vài người khác ra chụp hình ghe chúng tôi. Sau vài lời trao đổi, trên tàu cho biết là vì họ đang chở đầy dầu nên không thể cho chúng tôi lên được, rồi họ thả ống xuống và bơm đầy các thùng chứa nước trên ghe chúng tôi đồng thời chuyển qua một số thực phẩm như bánh mì, trái táo và sữa tươi..., hành khách trên ghe ai nấy đều vui mừng vì những ngày qua chúng tôi không có gì ăn, và nước uống thì được chia theo khẩu phần, mỗi người mỗi ngày được một ca nhỏ vì số lượng nước hứng được khi còn trong sông có giới hạn trong lúc hành trình không biết còn bao lâu. Uống nước sông Hậu đục ngàu có lẫn mùi bùn trong mấy ngày qua nên nay có nước trong cùng các loại bánh trái, sữa tươi, bà con chia nhau ăn uống hả hê bù lại những ngày đói khát vừa qua. Tàu dầu còn thả xuống cho chúng tôi mấy cây đèn pin, và rồi nhổ neo chạy ra xa một chút và dừng lại chờ sau khi bảo chúng tôi cứ đợi ở đó sẽ có tàu Mỹ đến đón vì họ đã đánh điện thông báo rồi.

Thế là chúng tôi ở đó chờ, nhưng khi đêm xuống biển lại trở cơn và động mạnh, ghe chúng tôi không thể dừng được vì sóng lắc quá mạnh nên chúng tôi phải chạy, hơn nữa chúng tôi cũng không còn thấy được ánh đèn của tàu dầu Satucket nữa rồi. Đó thật là một đêm nhọc nhằn và kinh hoàng. Đức, Sang và tôi thay phiên nhau lái vì sóng quá mạnh nên phải dùng nhiều sức để giữ vững tay lái và vì ai nấy cũng mỗi mệt sau mấy ngày không ăn không ngủ. Anh Toại, bác sĩ quân y, cũng cố gắng ngồi và nói chuyện liên miên với chúng tôi. Có lẽ anh sợ chúng tôi vì quá mệt mỏi nên ngủ quên, mà quả thật chúng tôi đưa nào cũng lẫn ra ngủ mê mệt sau khi đổi tay lái!

Hành Trình Trong Biển Vắng

Sáng hôm sau, ngày 8 tháng 10, biển yên sóng lặng, nhìn quanh quất chẳng thấy bóng dáng tàu dầu đâu cả, mọi người đều buồn nản vì không thấy tàu Hải Quân Mỹ đến như thủy thủ đoàn của tàu dầu đã nói, vài ba người còn đề nghị quay trở lại chỗ cũ và ở đó chờ. Nhưng chúng tôi quyết định cứ theo đường đã định trước mà đi, suốt ngày và suốt đêm hôm đó, chúng tôi thấy vài ba chiếc tàu nhưng không tàu nào dừng lại dù chúng tôi có làm hiệu xin cấp cứu.

Đến xế chiều ngày 9, tôi cho đổi hướng chính Đông, 90 độ, để nhằm vào đảo Borneo, một đảo lớn thuộc Indonesia. Trước khi đổi hướng, tôi có thông báo cho toàn thể mọi người biết là sẽ rời khỏi hải lộ của tàu biển quốc-tế, và kể từ bây giờ sẽ không còn thấy tàu nào cả. Và đúng vậy, sau khi đổi hướng chạy suốt đêm hôm đó chúng tôi không thấy gì khác hơn là màu đen của đêm tối, vài ánh sao lấp lánh trong đêm khuya trời nhiều mây tỏa ra những tia sáng lẻ loi đơn độc như là ghe vượt biên đơn độc của chúng tôi. Trong suốt ngày sau đó, 10 tháng 10, chúng tôi cũng chẳng thấy gì ngoài trời mây và sóng nước, chiếc ghe nhỏ bé của chúng tôi như là một chiếc lá đang trôi dạt trong lòng đại dương. Ngồi trên phòng lái nhìn ra chung quanh chẳng có gì, thỉnh thoảng vài con rắn biển trôi dạt sát cạnh tàu, vài mảnh gỗ của các thuyền bè bị tai nạn trôi giạt xung quanh khiến cho cảnh tượng càng thêm hãi hùng.

Sáng hôm sau, ngày 11, biển cả vẫn thương-tình chúng tôi nên thật là hiền hòa. Những gợn sóng lăn tăn trong cơn gió nhẹ đem lại sự mát mẻ cho mọi người. Đó đây vài đoàn cá heo tranh nhau đùa giỡn trong sóng nước, thỉnh thoảng chúng lại lội đua với ghe của chúng tôi. Tôi báo cho vợ con tôi để leo lên boong ghe ngắm nhìn cho đỡ buồn và hít thở không khí trong lành vì dưới hầm tàu đông người nên rất ngột ngạt. Mọi người khác cũng thay phiên nhau lên boong ghe để thay đổi không khí, chúng tôi không dám cho tất cả cùng lên một lượt để tránh tình trạng ghe bị lật úp vì mất cân bằng.

Đêm tối lại đến, tôi đã cảm thấy hơi lo âu vì chạy đã lâu nhưng vẫn không thấy đảo nào cả. Trong đêm tối đó, tôi đã thành tâm

khẩn nguyện cùng Ông Trên, tôi cầu khẩn tất cả những giáo chủ của các tôn giáo, từ Đức Thích Ca Mâu Ni Phật, Đức Quan Thế Âm Bồ Tát cho đến Đức Chúa Jesus, Đức Mẹ Maria cho ghe chúng tôi được bình an đến bến bờ, và cho tôi thấy được một ánh đèn vì đã mấy ngày rồi không thấy cái gì cả. Lời cầu xin đó có lẽ đã được Ông Trên chấp-nhận cho nên sau đó không lâu, khi tôi còn đang chập chờn ngủ thì trên phòng lái lại cho người xuống kêu tôi lên:

“Anh Các, dậy đi. Lên coi có ánh đèn ở đằng xa đó”

Tôi vội vàng leo lên và quả thật có ánh đèn mờ mờ từ đằng xa lẩn trong màn sương mỏng. Tôi bảo anh em đốt lửa lên, sau khi lửa bùng sáng thì ánh đèn đó tiến đến gần, tôi nhận ra đó là một chiếc tàu với hàng cửa sổ tròn bên hông rực sáng nhưng trên boong tàu thì tối đen. Chụp lấy cây đèn pin mà tàu dầu đã thả xuống cho chúng tôi mấy ngày trước, tay trái cầm đèn, với bàn tay phải tôi gửi tín hiệu SOS nhiều lần. Tàu bên kia nhận được tín hiệu bèn trả lời lại cũng bằng đèn và tín hiệu Morse, nhưng tôi không thể nào đọc được vì vốn liếng về Morse của tôi đã trôi theo năm tháng kể từ ngày rời khỏi đội Thiếu của đoàn Hướng Đạo Phan Thiết, tất cả chỉ còn lại vài ba chữ mà trong trường-hợp này mấy chữ dễ nhớ nhất là S và O (tích tích tích, tè tè tè) được đem ra xử dụng. Sau khi gửi xong bản văn mà tôi không thấu thập được gì, tàu đó lặng lẽ rời xa chúng tôi. Nhìn theo chiếc tàu từ từ khuất trong sương mù, lòng tôi chùng lại và nghẹn ngào không nói được gì. Nhưng nghĩ lại mình vừa cầu xin Ông Trên cho thấy được ánh đèn và bây giờ đã được thấy rồi thì còn đòi hỏi gì hơn? Tôi cảm thấy an-tâm và cho ghe tiếp-tục theo lộ trình ấn-định.

Đến Bờ Tự Do

Hôm sau, ngày 12 tháng 10, mọi người đều mỗi một nên xuống hầm ghe tìm chỗ ngủ, chỉ có một mình tôi trên phòng lái, chung quanh cũng chỉ là biển cả mênh mông và phẳng lặng với màn sương mỏng còn che kín chân trời, vợ tôi leo lên và ngồi cạnh tôi. Trong lúc chúng tôi đang nói chuyện lung tung thì bỗng nhiên vợ tôi nói:

“Anh coi cái gì đằng trước kia, có phải đảo không?”

Thì ra khi đó mặt trời lên cao đã xua tan sương mù, tôi vội vàng nhìn kỹ về phía trước và thấy một cái đảo nhỏ như là cái bánh ú hiện ra ở chân trời, tôi nói:

“Đúng rồi, đảo đó”

Mọi người trên ghe nghe thông-báo tin này đều vui mừng, tất cả đều bật dậy và lần lượt leo lên trên để nhìn tận mắt mục tiêu mà chúng tôi muốn đến. Thế là tất cả xúm nhau lại chuyện trò hàn huyên khác hẳn với lúc nãy còn nằm im phăng phắc với nhiều lo âu sợ sệt, vài thanh-niên còn bày bàn cờ tướng ra chơi, không khí trên ghe náo nhiệt hẳn lên.

Chúng tôi cho ghe chạy từ từ đến đảo, cái máy Yanmar 2 đầu bạc chạy liên-tục đã mấy ngày đêm rồi nên anh Hoàng, thợ máy, không dám cho chạy hết ga vì sợ hư trong đoạn chót của hành-trình khi đảo vẫn còn xa. Đảo hiện ra càng lúc càng lớn, và vào xế chiều hôm đó, chúng tôi đã đến gần lắm rồi. Xa xa thấy có vài chiếc ghe đánh cá, tôi dùng ống dòm quan sát thì thấy họ treo cờ màu đỏ, tôi cũng hơi hoảng sợ vì mình đang trốn chạy lá cờ đỏ đầy máu của cộng-sản mà bây giờ lại gặp cờ đỏ! Đến gần thêm chút nữa, coi kỹ lại thì đó là lá cờ có hai màu, trên đỏ dưới trắng, sau khi đối chiếu với bản cờ quốc-tế mà anh bạn đã tặng cho lúc trước tôi biết đó là cờ của Indonesia. Còn nổi vui mừng nào hơn nổi vui này nữa!

Đến gần mấy chiếc ghe đánh cá của ngư dân Indonesia, chúng tôi cặp vào một chiếc và leo qua để hỏi đường. Nhưng những ngư dân đó là người Indonesia gốc Trung Hoa, họ chỉ nói tiếng Tàu mà trong chúng tôi không ai hiểu cả, mớ tiếng Quảng Đông tôi học cũng không xài gì được. Sau cùng tôi hỏi cầu may *“Jakarta?”*, ông ngư phủ già nghe vậy bèn xoắn một tràng nhưng tôi lắc đầu tỏ vẻ không hiểu, ông ta bèn lấy giấy viết mấy chữ và đưa tôi. Nhìn vào đó tôi chỉ nhận được có một chữ Nam (*hướng Nam*), tôi bèn chỉ tay về hướng Nam, ông ta thấy vậy liền gật đầu. Chúng tôi cảm ơn và trở qua ghe quay đầu chạy dọc theo bờ biển về hướng Nam. Nghĩ cũng buồn cười vì sau bao nhiêu năm lặn lội trong nghề

chơi mặt chược, cái chữ Nam trong bộ bài giờ này lại giúp tôi như thế này. Chạy được một quãng thì chúng tôi thấy một trại lính nhỏ của Indonesia đóng ven bờ biển, bèn quay mũi ghe hướng vào đó. Một vài người lính trong đồn chạy ra bắn vài phát súng và ra hiệu không cho chúng tôi vào. Chúng tôi quay đầu chạy chậm chậm theo hướng cũ, họ chạy theo dọc bờ biển và đến một bãi cách đồn khoảng độ 3 hay 4 trăm mét, họ ra hiệu cho chúng tôi vào. Mừng rỡ, chúng tôi quay đầu vào vào ủi đại vào bờ, mọi người lần lượt nhảy xuống và lội nước lúp xúp ngang lưng quần vào.

Khi tất cả đã vào bờ, họ tập hợp chúng tôi lại và đưa về đồn. Không ai hiểu ai nói gì, nhưng họ rất là tử tế vì đã nhìn thấy lá cờ Việt Nam Cộng Hòa mà chúng tôi sơn lên vách phòng lái sau khi ra khỏi hải phận Việt Nam khá xa. Về đến đồn, sau khi báo cáo với chỉ huy trưởng, họ đem mấy tấm poncho ra trải trên sân cho chúng tôi nằm nghỉ. Kế đó lại phát thuốc ngừa sốt rét cho chúng tôi uống, và khi cơm nấu xong lại kiêng ra cho chúng tôi ăn. Đêm hôm đó, chúng tôi nằm ngủ trên những cái poncho trải ngay trên sân cỏ nhưng giấc ngủ đầu tiên trên đất liền sau những ngày lên dênh trên biển cả thật là ngon lành dù không có nệm êm chăn ấm. Sáng hôm sau dậy sớm, tôi lang thang ra bờ biển trước đồn, nhìn ra biển lúc đó nước rút xuống nên thấy toàn là đá lởm chởm, thì ra chiều tối hôm qua họ không cho chúng tôi vào là vì sợ ghe chúng tôi va chạm đá ngầm có thể bể ra gây nguy hiểm cho những người trên tàu. Sau đó trở vô, chúng tôi lại được buổi điểm tâm có cả cà phê, những người binh-sĩ Indonesia ở tiền-đồn này quả thật là tử tế, ăn xong viên đồn trưởng mời tôi vào phòng để hỏi về số lượng cùng tình hình mọi người trên ghe để ông ta báo cáo về cấp trên. Sau đó họ phát cho chúng tôi thêm nhiều poncho nữa, và dẫn chúng tôi đến một khoảng đất trống để dựng lều chuẩn bị chỗ ngủ.

Trưa hôm đó, sau khi ăn xong đang nằm nghỉ ngơi, chúng tôi bỗng nghe tiếng trực thăng bay từ xa vọng đến, tiếng động gây ra từ cánh quạt của loại trực thăng quen thuộc từ trước năm 1975. Tiếng động cơ trực thăng càng lúc càng gần, và sau cùng một toán gồm 3 chiếc bay đến và lần lượt đáp xuống bãi đáp cạnh đồn. Một đoàn người gồm nhiều sĩ-quan

và một số mặc thường phục với máy quay phim, máy ảnh trên tay tiến vào. Trưởng đồn đã cho lính ăn mặc tề chỉnh và sắp hàng nghiêm trang chào đón phái đoàn, vị sĩ quan chỉ huy, mà sau này chúng tôi được biết là Đại Tá Tỉnh Trưởng, tay cầm can đi duyệt đoàn lính dàn chào. Các sĩ quan binh sĩ khác người thì tháp tùng Tỉnh Trưởng đi duyệt đoàn lính, kẻ thì lẳng xẳng kiêng những bao gạo, những thùng nước tương, có cả một bịch cà phê lớn từ mấy chiếc trực thăng vào, những người dân sự, chúng tôi đoán chừng là các phóng-viên, thì lo chụp hình, quay phim.. Sau các nghi lễ đó, trưởng đồn đưa phái đoàn đến tận những căn lều tạm của chúng tôi và họ thay phiên phỏng vấn, các bác sĩ quân y lo khám sức khỏe những người lớn tuổi, các phóng viên lại lo quay phim chụp hình. Được biết anh Toại là Bác Sĩ Quân Y của Quân Lực VNCH, các Bác Sĩ Indonesia ân cần thăm hỏi và hứa hẹn giúp đỡ anh. Sau đó, tất cả trở ra lên trực thăng bay về Tỉnh.

Được tiếp tế lương thực, chiều hôm đó mọi người kể cả các binh sĩ trong đồn chung nhau ăn uống thật là vui vẻ. Tất cả, có vẻ như đã hồi phục lại một phần sức khỏe đã mất trong những ngày dài không ăn và nước uống thì rất hạn chế ở dưới ghe, xúm nhau trò chuyện theo từng toán nhỏ. Và khi đêm xuống, mọi người trở vào các lều tạm nghỉ ngơi trong lúc các binh sĩ Indonesia canh gác phía ngoài xa chung quanh đó. Chiều hôm sau, ngày 14 tháng 10, sĩ quan trưởng đồn cho biết sẽ di chuyển chúng tôi về thị xã để tạm trú ở đó, mọi người thu xếp hành trang và dọn dẹp vệ sinh chung quanh chỗ ăn ngủ vừa xong thì một đoàn ghe máy đến bỏ neo cách bờ khoảng vài trăm mét. Sĩ quan trưởng đồn tiễn đưa ra tận bãi và sắp xếp cho chúng tôi từng toán xuống ghe nhỏ để ra ghe lớn. Chúng tôi ra đi không quên cảm ơn lòng tốt của ông ta và các binh sĩ đã tận tình giúp đỡ, nhìn lại chiếc ghe vượt biên đang nằm lạnh lẽo ở bãi biển mà lòng thật bồi ngùi và xúc-động, anh Sang, cháu Ông Hai, trước khi đi, đã ký giấy tờ tặng cho đồn lính biên phòng chiếc ghe đó.

**TANJUNG BENDERA - KALIMATAN -
INDONESIA**

Đoàn ghe chạy về hướng Nam dọc theo bờ biển của đảo Borneo suốt đêm hôm đó. Vài anh em cùng tôi leo lên khoang trên ngồi ngắm nhìn cảnh đêm trên biển cả và nhắc lại những chuyện đã qua, người nào cũng cảm thấy thoải mái vì dù ngồi trên ghe nhưng đã có các tài công và phụ việc người Indonesia lo rồi, chúng tôi không còn phải lo lắng gì nữa cả. Khoảng 2, 3 giờ sáng hôm sau, đoàn ghe tiến về ánh hải đăng thấp thoáng từ xa, khi đến gần thì đổi hướng chạy vào sông và cập vào một cầu tàu. Sau khi tất cả lên cầu tàu, cảnh sát Indonesia đưa chúng tôi vào tạm trú trong một nhà kho rộng lớn ngay trong phạm vi của bến tàu, mọi người được cấp phát những gói quà và chiếu mới để trải ra nằm ngủ. Một nhọc vì chuyến đi suốt đêm, hơn nữa lúc đó trời còn tối nên ai nấy cũng đều nằm lả ra ngủ. Khi trời sáng, thức dậy mở các gói quà thì thấy những món cần dùng cho vệ sinh cá nhân như bàn chải và kem đánh răng cùng xà phòng và khăn tắm... Mọi người thay phiên nhau tắm rửa và làm vệ sinh cá nhân trong dãy phòng tắm bên ngoài nhà kho, tất cả như lột xác sau bao nhiêu ngày đêm lăn lóc dưới ghe.



Trước cổng trại tị nạn Singapore Tháng 4 năm 1981

Khi trời sáng hẳn, những viên chức chính quyền ở đó kiêng vào những thùng cơm nóng hồi cùng với thức ăn và phân phát cho chúng tôi, bữa ăn thật là ngon miệng dù chỉ có cơm trắng với cá khô gói trong lá chuối, sau đó lại còn có cà phê sữa nữa. Gần trưa, một phái đoàn sĩ quan, viên chức chính quyền đến làm các thủ tục lập hồ sơ, mọi người được lần tay và chụp hình từng cá nhân và từng gia đình, trong lúc đó các bác sĩ lo khám sức khỏe và làm hồ sơ cho từng người. Xong xuôi các thủ tục đó họ ra về, sau đó không lâu lại có

một đoàn khác đến thăm với những thùng quà tặng lớn chứa đầy áo quần, và các loại bánh kẹo cùng với những chai nước tương..... Họ nói toàn tiếng Tàu nhưng, như trên đã nói, thật là đáng tiếc vì trong chúng tôi chẳng có ai nghe hiểu được cả. Chỉ đành cảm ơn họ bằng những tiếng “thank you” và bằng những nét mặt chân thành xúc động. Khi đó viên chỉ huy toàn cảnh sát gác nhà kho cho chúng tôi biết đây là Tanjung Bendera, một thị xã thuộc Tỉnh Kalimantan, đa số cư dân ở đây gốc gác là người Hải Nam Trung-Quốc, tổ tiên của họ chạy từ Hải Nam sang lánh nạn cộng sản và được chính-quyền Indonesia cho định-cư ở đó.

Đoan Kết

Vài hôm sau, đến sáng ngày 18 tháng 10, các viên-chức chính quyền địa phương trở lại cùng với vài nhân viên người Đức của Cao Ủy Tị Nạn Liên Hiệp Quốc, họ cho chúng tôi biết là sẽ di chuyển chúng tôi sang đảo Kuku, một trại Tị Nạn thuộc phủ Cao Ủy. Thế là chúng tôi chuẩn bị thu xếp hành trang, dọn dẹp sạch sẽ nhà kho và xuống ghe nhỏ để ra tàu Flora ngay trong buổi chiều hôm đó. Ở đảo Kuku, sau khi làm các thủ tục khai báo ban đầu, ghe chúng tôi vì không mang số nào của Việt Nam nên được Cao Ủy Tị Nạn LHQ đặt số-hiệu là TBKL1012-65 để biểu hiện là chiếc ghe đến Tanjung Bendera Kalimantan ngày 12 tháng 10 và trên ghe có 65 người. Một tháng sau, cũng tàu Flora quay trở lại đưa chúng tôi sang nhập trại tị nạn Galang, Indonesia. Hành trình vượt biển của chúng tôi đã kết thúc. **Cũng xin tưởng nhớ đến Ba tôi, người cha với một tấm lòng ái quốc đầy nghị lực, đã dìu dắt gia đình qua những cơn sóng gió của cuộc đời, đã dạy dỗ anh em chúng tôi nên người, đến Má tôi, người Mẹ đã một đời hy sinh cho chồng con. Ba Má tôi đã khuất bóng nhưng trong lòng anh em tôi hình bóng hai người vẫn luôn luôn hiện hữu.**

***Ngô Hoàng Các
Camp Hill, cuối tháng 4 năm 2003***



Đưa các bạn cùng tàu đi định cư ở Úc.

Đứng từ trái: Các, BS Toại và vợ, vợ chồng Sang, Thuận, XX, anh XXX Ngòi: Đức, KS Thành, XXX, XXX

Viết lại đoạn hồi ký này, tôi muốn nói lên những gian khổ mà chúng tôi đã trải qua cùng những may mắn mà chúng tôi gặp được trong giai đoạn đó. Chúng tôi, 65 người trên ghe TBKL1012-65, đã quá may mắn dù bước đầu gặp nhiều trở ngại, Ông Trên đã ban cho chúng tôi một hành trình thật là êm xuôi trên biển cả, vì biết bao nhiêu tàu vượt biên khác vào vịnh

Thái Lan đã gặp phải bọn cướp biển Thái Lan vô nhân tính hãm hại, bao nhiêu là người đã mất mạng trên đoạn đường vượt biển. Xin muôn vàn cảm tạ Ông Trên, xin luôn luôn tưởng nhớ đến những nạn nhân của hải tặc đã bỏ mình trên đường tìm tự do. Xin chúc những người bạn đồng hành được nhiều may mắn trong cuộc sống tha hương.

Tôi cũng muốn nói lên tình thương giữa người và người, dù không cùng chủng tộc, dù khác tiếng nói nhưng những người Indonesia ở cái tiền đồn nhỏ bé lẻ loi trên đảo Borneo, chính quyền cùng những cư dân ở Kalimantan nói chung, và ở thị xã Bendera bé nhỏ hiền hòa bên bờ biển đã đối xử và giúp đỡ tận tình chúng tôi, những người đã bỏ quê hương ra đi vì không chịu được những áp bức, những bạo tàn do chính những người tuy cùng chủng tộc nhưng khác chính kiến, những người cộng sản mang lại cho quê-hương Việt-Nam mình. Xin thành thật cảm tạ tình thương bất vụ lợi của những người Indonesia đó. Mong một ngày quê hương không còn xiềng xích của lũ cộng sản vô thần.

Lúc Chết

*Anh cúi mặt hôn lên lòng đất
Sáng ngày mai giường ngủ lạnh cơn trùng
Mười ngón tay sờ soạng giữa hư không
Đôi mắt đã trũng sâu buồn ảo ảnh*

*Ở trên ấy mây mùa thu có lạnh
Anh nhìn lên mái cỏ kín chân trời
Em có ngòi mà nghe gió thu phai
Và em có thấp hương bằng mắt sáng?*

*Lúc ra đi hai chân anh dang trước
Mắt đi sau còn vương vất cuộc đời
Hai mươi năm, buồn ở đấy, trên vai
Thân thể nặng đóng đinh bằng tội lỗi*

*Đôi mắt ấy đột nhiên buồn không nói
Đột nhiên buồn chạy đến đứng trên mi
Anh chợt nghe mưa gió ở trên kia
Thân thể lạnh thu mình trong gỗ mục*

*Anh chợt ngửa nơi bàn chân cỏ mọc
Anh chợt đau vàng trán nặng đêm khuya
Trên tay dài giun để rủ nhau đi
Anh lặng yên một mình nghe tóc ướt*

*Nằm ở đấy, hai bàn tay thấm mệt
Ngón buông xuôi cho nhẹ bớt hình hài
Những bài thơ anh đã viết trên môi
Lửa trái đất sẽ nung thành ảo ảnh*

Nguyễn Sa